Tạp chí KHLN Số 4/2026: 96 - 103
©: Viện KHLNVN - VAFS
DOI: https://doi.org/10.70169/VJFS.1244
ISSN: 1859 - 0373
Đăng tải tại: https://vjfs.vafs.gov.vn

# HIỆN TRẠNG PHÂN BỐ VÀ TIỀM NĂNG SỬ DỤNG CỦA CÁC LOÀI MÂM XÔI (*Rubus* spp.) TẠI TÂY NGUYÊN

**Đỗ Trần Thẩm Thuý, Hoàng Viết Thành, Võ Văn Nghĩa, Nguyễn Thị Hoà***

*Trung tâm Nghiên cứu Dược liệu Tây Nguyên - Viện Dược liệu*

## TÓM TẮT

Chi Mâm xôi, *Rubus* spp., là chi đa dạng nhất trong họ Hoa hồng, Rosaceae, với giá trị sinh thái, xã hội và kinh tế quan trọng. Tây Nguyên là khu vực trọng điểm về bảo tồn đa dạng sinh học và cũng là địa điểm ghi nhận nhiều loài Mâm xôi. Nhằm cập nhật hiện trạng phân bố của các loài Mâm xôi tại Tây Nguyên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra thành phần các loài thuộc chi này. Kết quả nghiên cứu ghi nhận 12 loài Mâm xôi, trong đó ghi nhận mới 2 loài nhập nội, cập nhật thông tin của 1 loài. Nghiên cứu không ghi nhận 9 loài so với các nghiên cứu trước đây. Các loài phân bố chủ yếu ở độ cao trên 1.000 m so với mực nước biển, thường gặp ven đường, đèo, sườn núi đón gió. Các loài Mâm xôi ở Tây Nguyên có thể dùng để khai thác quả (*Rubus idaeus*, *R. fruticosus*) hoặc nguyên liệu phát triển thuốc (*R. corchorifolius, R. ellipticus, R. niveus*...). Cần có thêm các nghiên cứu về sinh thái, nông sinh, đặc tính dược lý và sinh hoá của các loài để có chính sách quản lý, duy trì và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên này.

***Từ khoá:*** Hiện trạng phân bố, Mâm xôi, *Rubus,* Tây Nguyên, tiềm năng sử dụng.

## UPDATED DISTRIBUTIONAL STATUS AND POTENTIAL USES OF BRAMBLE SPECIES (*Rubus* spp.) IN THE CENTRAL HIGHLANDS OF VIETNAM

**Do Tran Tham Thuy, Hoang Viet Thanh, Vo Van Nghia, Nguyen Thi Hoa***

*Tay Nguyen Research Center of Medicinal Materials - National Institute of Medicinal Materials*
* Corresponding author: hoa.nguyen.nta@gmail.com

## ABSTRACT

*Rubus* is the most diverse genus in the Rosaceae family, possessing substantial global ecological, social, and economic value. The Central Highlands of Vietnam is a critical area for biodiversity conservation and home to numerous recorded *Rubus* species. Through transect surveys along elevational gradients, the current distributions of *Rubus* species in this region were updated. A total of 12 *Rubus* species were recorded, including two newly introduced species. Nine species previously documented have no longer been observed. Brambles in the Central Highlands were commonly found along roadsides, mountain passes, and windy slopes above 1.000 m.a.s.l. These species possess significant potential, particularly as food sources (*Rubus idaeus*, *R. fruticosus*) and pharmaceutical raw materials (*R. corchorifolius, R. ellipticus, R. niveus*...). Comprehensive research is required to evaluate the ecological risks, agronomic traits, alongside the pharmacological and biochemical properties of potential species. Such data is essential for management, preservation, and utilization of these resources.

***Keywords:*** Brambles, distribution, potential usage, *Rubus*, the Central Highlands.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chi Mâm xôi, *Rubus* là chi đa dạng nhất của họ Hoa hồng, Rosaceae, với 1.554 loài được chấp nhận (POWO, 2025). Tại Việt Nam, đã có trên 50 loài Mâm xôi được ghi nhận (Nguyen *et al*., 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999), khoảng 20 trong số này được ghi nhận ở Tây Nguyên (vùng cao nguyên thuộc các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai và Quảng Ngãi hiện nay). Các loài Mâm xôi có nhiều ứng dụng trong cuộc sống, thường được dùng làm thực phẩm, làm thuốc hay các sản phẩm bảo vệ sức khoẻ (Lamichhane *et al*., 2023). Từ năm 2015 đến 2017, các nhà khoa học thuộc Kho Lưu trữ nguồn gen nhân bản Hoa Kỳ đã phối hợp với Trung tâm Tài nguyên thực vật Việt Nam thu thập được 110 mẫu giống hạt và cây Mâm xôi tại miền Bắc Việt Nam, nhằm đa dạng hoá nguồn gen Mâm xôi và sử dụng trong nghiên cứu chọn tạo giống trong tương lai (Hummer *et al*., 2020). Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc nghiên cứu có hệ thống và xây dựng cơ sở dữ liệu cho nhóm loài này ở Việt Nam.

Khu vực Tây Nguyên với địa hình, khí hậu và thổ nhưỡng, đặc biệt là khu vực có đóng góp quan trọng trong tổng thể đa dạng sinh học của Việt Nam. Đã có khá nhiều nghiên cứu về đa dạng thực vật tại Tây Nguyên nói chung, bao gồm những thông tin sơ bộ về thành phần loài Mâm xôi. Tuy nhiên, hiện chưa có đánh giá một cách hệ thống về thành phần và phân bố của loài thuộc chi này để có thể đưa ra các khuyến nghị về bảo tồn và phát triển, đặc biệt là các loài có giá trị về thực phẩm và dược mỹ phẩm. Do đó, việc tiến hành một nghiên cứu về hiện trạng và phân bố các loài Mâm xôi tại Tây Nguyên là hết sức cần thiết.

## II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp điều tra thành phần loài và phân bố

*Địa điểm nghiên cứu và các tuyến điều tra*: Các tuyến nghiên cứu được thiết kế đảm bảo độ đa dạng về mức độ tác động môi trường, các hệ sinh thái đặc trưng, và đai độ cao phù hợp với địa hình khảo sát ở khu vực Tây Nguyên, bao gồm: đai dưới 500 m; từ 500 - 800 m, từ 800 - 1.000 m, từ 1.000 - 1.500 m, từ 1.500 - 1.800 m, và trên 1.800 m. Tổng số tuyến điều tra là 28 tuyến với độ dài dao động từ 3 đến 50 km tuỳ địa hình. Tại mỗi tuyến khảo sát, toạ độ đại diện của điểm xuất hiện quần thể loài nghiên cứu được ghi nhận bằng máy Garmin GPSMAP 64s (Mỹ). Thông tin về sinh cảnh, ảnh chụp và mẫu tiêu bản của các loài cũng được ghi nhận.

*Thời gian nghiên cứu*: Từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 9 năm 2025.

### 2.2. Phương pháp thu thập mẫu nghiên cứu và giám định tên khoa học

Mẫu tiêu bản các loài *Rubus* được thu thập và lưu giữ tại Trung tâm Tài nguyên Dược liệu – Viện Dược liệu. Mẫu được giám định bằng phương pháp hình thái so sánh dựa trên các tài liệu chuyên khảo, ví dụ như: Thực vật chí Campuchia, Lào, Việt Nam (Nguyen *et al*., 1968), Thực vật chí Trung Quốc (Lu, Boufford, 2003)..., và so sánh với hình ảnh của các mẫu chuẩn được lưu trữ tại các hệ thống cơ sở dữ liệu, chẳng hạn như Cơ sở dữ liệu thông tin Đa dạng sinh học toàn cầu (GBIF, 2025) hay Vườn thực vật Hoàng gia Anh (POWO, 2025).

### 2.3. Phương pháp tổng hợp dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu về phân bố và công dụng của các loài Mâm xôi, đặc biệt là các loài có phân bố tại Tây Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung được tổng hợp từ các tài liệu khoa học đã công bố trong giai đoạn từ 1914 đến 2023.

## III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Hiện trạng thành phần loài ghi nhận theo độ cao và sinh cảnh tại Tây Nguyên

Nghiên cứu ghi nhận phân bố của 12 loài, trong đó 2 loài được ghi nhận mới, 1 loài được ghi nhận thay thế. Có 9 loài không được ghi nhận so với các

nghiên cứu trước đây (Nguyen *et al*., 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999), trong số này, ngoài 1 loài được thay thế, 2 loài khác có thể đã bị ghi nhận nhầm và 7 loài không thu thập được thông tin trên thực địa. Hiện trạng ghi nhận được trình bày trong bảng 1.

Hai loài được ghi nhận mới là Phúc bồn tử đen - *R. fruticosus* và Phúc bồn tử đỏ - *R. idaeus*, đây đều là những loài nhập nội được trồng lấy quả. Loài được cập nhật thông tin là Dum ba hoa - *R. subcrataegifolius* (syn. *R. trianthus* Focke). Đây là loài có hình thái rất tương đồng với Dum lá bố - *R. corchorifolius* được ghi nhận tại khu vực núi cao trên 1.800 m tại nghiên cứu này. Khác biệt chủ yếu của 2 loài nói trên nằm ở đặc điểm cụm hoa với *R. subcrataegifolius* có cụm hoa xim gồm 3 hoa hoặc hơn trong khi *R. corchorifolius* thường mang hoa đơn độc. Địa điểm ghi nhận phân bố của *R. subcrataegifolius* trước đây khá trùng hợp với các địa điểm mà nhóm nghiên cứu ghi nhận sự có mặt của *R. corchorifolius*. Nghiên cứu hình ảnh các tiêu bản của Nguyen và đồng tác giả (1968) đã dùng để mô tả *R. subcrataegifolius* (*Poilane 30783, 35826, 35894*) lưu trữ trên Cơ sở thông tin đa dạng toàn cầu (GBIF, 2025), chúng tôi nhận thấy các mẫu này đều mang hoa đơn độc, qua đó xác định các mẫu này là *R. corchorifolius.* Như vậy, *R. subcrataegifolius* thực tế chưa được ghi nhận tại khu vực Tây Nguyên.

Ngoài Dum ba hoa, hai loài khác có khả năng ghi nhận nhầm là Dum kloss - *R. klossii* Baker fil. và Dum lá sọc - *R. lineatus.* Loài *R. klossii* Baker fil. được Phạm Hoàng Hộ (1999) ghi nhận tại Dran (Đơn Dương, Lâm Đồng) nhưng hiện không thể tìm thấy dữ liệu mô tả cũng như tiêu bản gốc của loài này để kiểm chứng. Loài Dum lá sọc - *R. lineatus* thường có phân bố tại khu vực núi cao trên 1.400 m so với mực nước biển (Lu, Boufford, 2003). Dữ liệu tiêu bản tại Viện Sinh học và Đại học Quốc gia Hà Nội ghi nhận phân bố của Dum lá sọc tại Lào Cai (Sapa, *Petelot No.5.411*; *HN51626*), Tuyên Quang (Hồ Thầu, Hoàng Su Phì cũ, *HAL 6682*) và Lai Châu (Hồ Thầu, Tam Đường cũ, *HAL10433*) ở độ cao trên 1.800 m so với mực nước biển. Ở Tây Nguyên, Nguyen và đồng tác giả (1968) còn ghi nhận *R. lineatus* (syn. *R. phengodes* Focke) tại khu vực xã Đạ Huoai của Lâm Đồng, nơi có điều kiện khí hậu nóng ẩm và độ cao dưới 500 m so với mực nước biển. Điểm bất hợp lý này khiến chúng tôi nghi ngờ có sự nhầm lẫn về ghi nhận của loài *R. lineatus*.

Các loài *R. alpestris*, *R. pinnatisepalus*, *R. rugosus*, *R. blepharoneurus*, *R. efferatus, R. clinocephalus* var. *clinocephalus,* và *R. pinnatisepalus* đều là các loài có thông tin ghi nhận rõ ràng nhưng phạm vi phân bố tương đối hẹp, thường là các vùng núi cao trên 1.500 m so với mực nước biển, việc nhóm nghiên cứu không ghi nhận các loài này có thể do các hạn chế về phạm vi tiến hành khảo sát, nhưng cũng có thể do sinh cảnh của các loài này đã bị tác động khiến việc tiếp cận loài trở nên khó khăn hơn.

Về phân bố theo đai độ cao, các loài *R. alceifolius*, *R. annamensis* và *R. cochinchinensis* là các loài có phân bố theo đai rộng nhất (500 - 1.800 m); *R. alceifolius* mọc khá rải rác trong khi *R. annamensis* và *R. cochinchinensis* có thể mọc thuần loài tập trung thành các dải kéo dài từ vài trăm đến vài nghìn mét. Theo dữ liệu tại các phòng tiêu bản tại Viện Sinh học và Đại học Quốc gia Hà Nội, *R. alceifolius* và *R. cochinchinensis* đã được ghi nhận tại các đai dưới 500 m so với mực nước biển, tại Bắc Bộ và Trung Bộ Việt Nam, tuy nhiên chúng tôi không ghi nhận sự có mặt của hai loài này tại độ cao tương ứng tại Tây Nguyên. Các tuyến điều tra tại đai dưới 500 m so với mực nước biển trong nghiên cứu này tập trung vào khu vực rừng khộp Đắk Lắk và vùng bình nguyên tiếp giáp giữa Nam Tây Nguyên và Đông Nam Bộ tại Lâm Đồng với khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo rõ rệt. Kiểu khí hậu với mùa khô khắc nghiệt này có thể là giới hạn sinh thái của hai loài Mâm xôi kể trên.

**Bảng 1.** Hiện trạng các loài thuộc chi *Rubus* đã được ghi nhận tại Tây Nguyên

| STT | Tên loài | Tài liệu ghi nhận đã công bố | Hiện trạng sau điều tra và độ cao phân bố |
|---|---|---|---|
| 1 | Mâm xôi<br>*Rubus alceifolius* Poir. | Kon Tum, Gia Lai (Ayun), Đắk Lắk, Lâm Đồng (Đà Lạt, Đạ M'Rông) (Nguyen *et a*l., 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Mọc khá phổ biến nhưng rải rác ở các vùng điều tra, từ 500 - 1.800 m |
| 2 | Dum núi cao*<br>*Rubus alpestris* Blume | Núi Ngọc Linh [GBIF, 2025] | Chưa gặp, có thể do hạn chế về phạm vi khảo sát |
| 3 | Dung trung bộ<br>*Rubus annamensis* Cardot | Tuyen Duc (Nguyen *et al.*, 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Mọc phổ biến tại Lạc Dương, Tà Đùng, Nâm Nung (Lâm Đồng), Lắk (Đắk Lắk), từ 500 - 1.800 m |
| 4 | Dum gân râu*<br>*Rubus blepharoneurus* Cardot | Tuyen Duc (Langbiang) (Nguyen *et al*., 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Chưa gặp, có thể do hạn chế về phạm vi khảo sát |
| 5 | Dum lông vàng<br>*Rubus chevalieri* Cardot | Kontum (Dak Doa, Tou Mou Rang), Darlac (Lac); Tuyen Duc (Langbiang, Dalat (Nguyen *et al.*, 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Mọc phổ biến tại Lạc Dương (Lâm Đồng), Kon Ka Kinh (Gia Lai), Măng Đen (Quảng Ngãi), từ trên 1.000 m |
| 6 | Re sum*<br>*Rubus clinocephalus* var. *clinocephalus*<br>Syn. *Rubus multibracteatus* H.Lév. & Vaniot | Tuyen Duc (Langbiang, Dalat, Mum Mo, Dran), Kontum (Dak Gley) với (Nguyen *et al*., 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Chưa gặp, có thể do hạn chế về phạm vi khảo sát |
| 7 | Ngấy hương<br>*Rubus cochinchinensis* Tratt. | Kon Tum, Gia Lai (Kon Hà Nừng), Đắk Lắk, Lâm Đồng (Đà Lạt, Lạc Dương) (Nguyen *et al*., 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Mọc phổ biến tại Di Linh (Lâm Đồng); Sơn Lang, Krong (Gia Lai), Măng Đen (Quảng Ngãi), từ trên 500 đến dưới 1.500 m. |
| 8 | Dum lá bố<br>*Rubus corchorifolius* L.f. | Ngọc Linh (Quảng Ngãi), Lạc Dương (Lâm Đồng) [GBIF] | Hiếm gặp, chỉ gặp tại khu vực Bidoup (Lâm Đồng), Chư Yang Sin (Đắk Lắk), Ngọc Linh (Quảng Ngãi), từ trên 1800 m |
| 9 | Dum dại*<br>*Rubus efferatus* Craib<br>Syn. *Rubus ferox* Wall. ex Focke | Tuyen Duc (Langbiang) (Nguyen *et al*., 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Chưa gặp, có thể do hạn chế về phạm vi khảo sát |
| 10 | Dum tim<br>*Rubus ellipticus* Sm.<br>Syn. *Rubus obcordatus* (Franch.) Thuan | Lâm Đồng (Langbiang) (Nguyen *et al*., 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Mọc rải rác tại Langbiang Đà Lạt, Đam Rông 4, Lạc Dương (Lâm Đồng), Tu Mơ Rông (Quảng Ngãi), từ 1.500 đến 1.800 m. |
| 11 | Phúc bồn tử đen<br>*Rubus fruticosus* L. | Chưa ghi nhận | Loài trồng tại Langbiang Đà Lạt và lân cận (Lâm Đồng), cây trồng, từ 1.000 - 1.500 m |
| 12 | Phúc bồn tử đỏ<br>*Rubus idaeus* L. | Chưa ghi nhận | Loài trồng tại Langbiang Đà Lạt và lân cận (Lâm Đồng), cây trồng, từ 1.000 - 1.500 m |
| 13 | Dum kloss*<br>*Rubus klossii* Baker fil. | Lâm Đồng (Dran) (Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Nghi ngờ nhầm lẫn; thiếu dữ liệu tiêu bản |

| STT | Tên loài | Tài liệu ghi nhận đã công bố | Hiện trạng sau điều tra và độ cao phân bố |
|---|---|---|---|
| 14 | Dum hoa trắng, Ngấy trâu<br>*Rubus leucanthus* Hance | Đắk Lắk, Lâm Đồng (Lạc Dương, Kơ Nớ) (Viện Dược liệu, 2016) | Hiếm gặp, ghi nhận tại Bảo Lâm 5 (Lâm Đồng), Chư Yang Sin (Đắk Lắk), Măng Đen (Quảng Ngãi), từ 1.000 - 1.500 m. |
| 15 | Dum sọc*<br>*Rubus lineatus* Reinw.<br>Syn. *Rubus phengodes* Focke | Lâm Đồng (Đạ Huoai) (Phạm Hoàng Hộ, 1999). | Chưa gặp, nghi ngờ nhầm lẫn |
| 16 | Dum tuyết<br>*Rubus niveus* Thunb. | Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk (Buôn Ma Thuột), Lâm Đồng (Đà Lạt, Đơn Dương) (Nguyen *et al*., 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Mọc phổ biến tại Lâm Đồng (Langbiang Đà Lạt, Lạc Dương), từ 1.500 - 1.800 m |
| 17 | Dum đài xẻ*<br>*Rubus pinnatisepalus* Hemsl. | Gia Lai, Kon Tum (Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Chưa gặp, có thể do hạn chế về phạm vi khảo sát |
| 18 | Dum lá lê<br>*Rubus pirifolius* Sm. | Lâm Đồng (Đà Lạt, Langbiang) (Nguyen *et al*., 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Hiếm gặp, ghi nhận tại Cam Ly Đà Lạt, Đam Rông 4 (Lâm Đồng), Chư Yang Sin (Đắk Lắk), Uar ( Gia Lai), từ 800 - 1.800 m |
| 19 | Dum nhám*<br>*Rubus rugosus* Sm. | Kon Tum (Nguyen *et al*., 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Chưa gặp, có thể do hạn chế về phạm vi khảo sát |
| 20 | Dum ba hoa*<br>*Rubus subcrataegifolius* (H.Lév. & Vaniot) H.Lév.<br>Syn. *R.trianthus* Focke | Tuyen Duc (Bi Doup, 2 287 m), Kontum (Ngok Pan, 2400 m) (Nguyen *et al*., 1968; Phạm Hoàng Hộ, 1999) | Mẫu nghiên cứu bị nhầm lẫn với *R. corchorifolius* |
| 21 | Dum sumatra<br>*Rubus sumatranus* Miq.<br>Syn. *R.asper* Wall. ex Don. | Kontum (Dak Bon Khong và Dak Gley), Tuyên Đức (Dankia, Dran – trồng) (Nguyen *et* al., 1968) | Mọc rải rác tại Cam Ly Đà Lạt, Lạc Dương (Lâm Đồng), Ngọc Linh, Măng Đen (Quảng Ngãi), từ 1.000 - 1.800 m. |

Các loài Mâm xôi còn lại chỉ gặp ở độ cao trên 1.000 m và có phân hoá rõ rệt theo độ cao. Chẳng hạn như, khi đi từ thấp lên cao, tại khu vực núi Bidoup (Lâm Đồng) có thể lần lượt gặp các loài *R. ellipticus*, *R. niveus*, *R. chevalieri*, và *R. corchorifolius*, còn tại khu vực núi Chư Yang Sin (Đắk Lắk) sẽ lần lượt gặp các loài *R. annamensis*, *R. leucanthus*, và *R. corchorifolius*. Các cao nguyên và núi cao trên 1.000 m là khu vực có hệ sinh thái phù hợp với nhiều loài Mâm xôi, vì vậy, đây cũng là nơi ghi nhận sự có mặt của nhiều loài Mâm xôi nhất. Nghiên cứu đã ghi nhận 10 loài Mâm xôi ở cao nguyên Langbiang, 5 loài ở cao nguyên Măng Đen, và 4 loài ở khu vực núi Ngọc Linh. Núi Ngọc Linh có lẽ có thành phần loài Mâm xôi thực tế đa dạng hơn, nhưng do khu vực này khá khó tiếp cận, nên nhóm nghiên cứu chưa có điều kiện để khảo sát nhiều tuyến tại đây.

Về phân bố theo sinh cảnh, ngoại trừ Dum tuyết - *R. niveus*, là loài duy nhất tồn tại trong tổ thành rừng lá kim á nhiệt đới với ưu hợp là Thông ba lá - *Pinus kesiya* Royle ex Gordon, các loài còn lại chỉ gặp trong khu vực rừng lá rộng thường xanh hoặc rừng hỗn giao. Nhìn chung các loài Mâm xôi đều ưa sáng và ưa ẩm, vì vậy, sinh cảnh sống thường gặp là ven đèo, triền núi, sườn núi đón gió.

### 3.2. Nhận định về tiềm năng sử dụng và định hướng phát triển

Các loài mâm xôi đã được sử dụng để chăm sóc sức khoẻ theo kinh nghiệm dân gian ở nhiều quốc gia.

Quả phúc bồn tử được xem là siêu thực phẩm do có hàm lượng cao chất chống oxy hoá, vitamin, khoáng chất, acid béo chưa bão hoà (Chwil *et al*., 2023). Nhóm nghiên cứu nhận thấy hai loài phúc bồn tử - *R. fruticosus* và *R. idaeus* (hình 1a, b) đang được trồng thử nghiệm tại cao nguyên Langbiang và khu vực lân cận với khả năng sinh trưởng và phát triển khá tốt, có khả năng hình thành vùng trồng. Hai loài này nên được nghiên cứu sâu thêm về khả năng thích nghi, năng suất, chất lượng và những rủi ro sinh thái để có khuyến nghị phù hợp về trồng trọt tại Tây Nguyên. Bên cạnh đó, loài Mâm xôi sumatra bản địa, *R. sumatranus* (hình 1c), cũng là loài có khả năng phát triển tốt và cho quả quanh năm ở các khu vực có độ cao trên 1.000 m so với mực nước biển, do đó, cũng nên được nghiên cứu phát triển thêm nhằm bổ sung cơ cấu cây lấy quả cho địa phương.

Các loài Mâm xôi vàng Himalaya - *R. ellipticus* (hình 1d) và Dum tuyết - *R. niveus* (hình 1e) là các loài đã được nghiên cứu khá nhiều trên thế giới (Bhatt *et al*., 2023). Điểm chung của hai loài này là có phân bố rộng theo độ cao, *R. ellipticus* phân bố từ 300 đến 2.600 m so với mực nước biển, còn *R. niveus* phân bố trên 1.000 m so với mực nước biển, với sức sinh trưởng mạnh mẽ. Toàn cây Dum tim có thể được dùng làm thuốc với công dụng điều trị tiểu đường, bảo vệ thận, chống viêm, giảm sốt... (Lamichhane *et al*., 2023). Dum tim được ghi nhận tại các VQG Bidoup - Núi Bà, xã Lạc Dương, Đam Rông 4 (Lâm Đồng) và Tu Mơ Rông (Quảng Ngãi) dưới dạng quần thể nhỏ ở độ cao trên 1.500 m so với mực nước biển. Loài này cho quả rất ngon và lá có thể dùng làm trà khá thơm, nhưng thân cây đặc biệt nhiều gai do đó rất dễ bị phá hoặc đốt bỏ trong quá trình làm nương rẫy hoặc dọn thực bì. Đối với Dum tuyết, dịch chiết từ rễ của loài cây này cho thấy tác dụng hấp thụ các gốc oxy hoá tự do, làm liền vết thương và ức chế sự phát triển của các khối u ác tính (George *et al*., 2014). Dum tuyết là loài duy nhất có khả năng tồn tại dưới tán rừng thông, do đó, hoàn toàn có thể khoanh vùng phát triển để làm nguyên liệu làm thuốc.

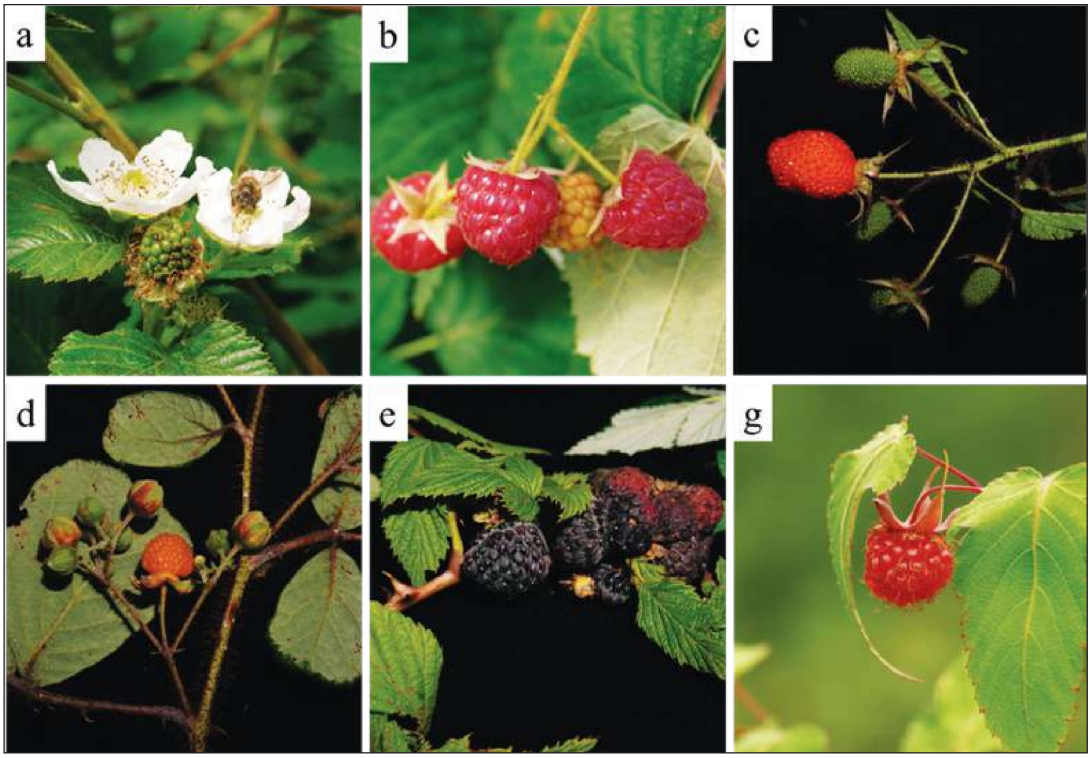


**Hình 1**. Các loài Mâm xôi có tiềm năng phát triển tại Tây Nguyên
(a. *R. fruticosus*, b. *R. idaeus*, c. *R. sumatranus*, d. *R. ellipticus*, e. *R. niveus*, g. *R. corchorifolius*).

Dum lá bố - *R. corchorifolius* (hình 1g), loài chính thức được ghi nhận tại Tây Nguyên, trong nghiên cứu này là loài cho quả ngon, đồng thời lại có tiềm năng làm nguyên liệu làm thuốc. Nghiên cứu của Chen và đồng tác giả (2017) trên *R. corchorifolius* cho thấy một số terpenoids chiết từ lá của loài Mâm xôi này có thể kết thúc chu trình tái sinh và phục hồi quá trình chết theo chương trình của các tế bào ung thư trực tràng. Thêm vào đó, các flavonoids chiết từ quả của loài này có tác dụng hạ đường huyết đáng kể thông qua cơ chế ức chế enzym α-glucosidase và α-amylase (Tian *et al*., 2021). *R. corchorifolius* có quan hệ di truyền gần gũi với *R. chingii* Hu (Gao *et al*., 2023), loài cây cho vị thuốc Phúc bồn tử theo Dược điển Trung Quốc (2020). *R. corchorifolius* được ghi nhận tại các khu vực núi cao trên 1.800 m so với mực nước biển nên tương đối khó để tiếp cận, vì vậy, nên được quan tâm, khoanh vùng tái sinh, nhân trồng và nghiên cứu sâu hơn về hiệu quả dược lý lâm sàng.

Đối với các loài mâm xôi bản địa khác, nhóm nghiên cứu đã ghi nhận từ một số cộng đồng địa phương tại Tây Nguyên, kinh nghiệm sử dụng thân và lá của các loài Mâm xôi – *R. alceifolius* và Dum lông vàng - *R. chevalieri* làm trà cho phụ nữ sau sinh, sử dụng Ngấy hương – *R. cochinchinensis* làm thuốc hỗ trợ tiêu hoá. Quả của tất cả các loài bản địa ghi nhận tại Tây Nguyên đều có thể ăn được.

## IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Từ kết quả điều tra hiện trạng phân bố và tổng hợp thông tin về tiềm năng sử dụng của các loài Mâm xôi tại Tây Nguyên, nhóm nghiên cứu đã rút ra một số kết luận sau:

Về thành phần loài, nghiên cứu hiện tại đã ghi nhận 12 loài Mâm xôi, trong đó ghi nhận mới 2 loài *R. fruticosus* và *R. idaeus*. Dum lá bố, *R. corchorifolius* được ghi nhận thay thế cho Dum ba hoa, *R. subcrataegifolius*. Trong số 9 loài Mâm xôi không được ghi nhận so với các công bố trước đây, 2 loài có khả năng ghi nhận nhầm là *R. klossii* và *R. lineatus*.

- Về đặc điểm sinh cảnh và đai cao, các loài chủ yếu phân bố trong rừng lá rộng thường xanh, rừng hỗn giao, ven đường, ven đèo, sườn núi ẩm và sáng ở độ cao trên 1.000 m so với mực nước biển.

- Về tiềm năng sử dụng, các loài Mâm xôi ở Tây Nguyên có tiềm năng khai thác quả (*R. idaeus*, *R. fruticosus*, *R. sumatranus*) và nguyên liệu làm thuốc (*R. corchorifolius*, *R. ellipticus*, *R. niveus*…). Cần có định hướng nghiên cứu phù hợp để có thể phát triển sản phẩm phù hợp với từng nhóm loài.

***Lời cảm ơn:*** *Nghiên cứu là sản phẩm của đề tài "Xây dựng cơ sở dữ liệu về thành phần loài cây thuốc thuộc chi Mâm xôi (Rubus L.), họ Rosaceae ở một số tỉnh vùng Tây Nguyên" do Viện Dược liệu chủ trì. Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn Ban quản lý và kiểm lâm các VQG Bidoup – Núi Bà, Chư Yang Sin, Yok Đôn, Tà Đùng, các KBT Kon Chư Răng, Nâm Nung, Rừng phòng hộ Lắk và Công ty Lâm nghiệp Krong Pa đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành nghiên cứu này.*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bhatt, S. C., Naik, B., Kumar, V., Gupta, A. K., Kumar, S., Preet, M. S., Sharma, N., & Rustagi, S., 2023. Untapped potential of non-conventional *Rubus* species: Bioactivity, nutrition, and livelihood opportunities. Plant Methods, 19(1), 114. DOI: 10.1186/s13007-023-01094-y

2. Chen, X., Gao, Z., Song, M., Ouyang, W., Wu, X., Chen, Y., Zhou, L., William, D., Cai, X., Cao, Y., Zhou, S., Tang, Z., & Xiao, H., 2017. Identification of terpenoids from *Rubus corchorifolius* L. f. leaves and their anti-proliferative effects on human cancer cells. Food & Function, *8*(3), 1052 – 1060. DOI: 10.1039/c6fo01343k

3. Hội đồng Dược điển Trung Quốc, 2020. Dược điển Trung Quốc. Nhà xuất bản Y học Trung Quốc.

4. Chwil, M., Matraszek-Gawron, R., & Kostryco, M., 2023. Rubi idaei fructus as a source of bioactive chemical compounds with an important role in human health and comparison of the antioxidant potential of fruits and juice of three repeat-fruiting *Rubus idaeus* L. cultivars. Metabolites, 13(11). DOI: 10.3390/metabo13111124

5. Gao, X.-F., Xiong, X.-H., Boufford, D. E., Gao, Y.-D., Xu, B., & Zhang, C., 2023. Phylogeny of the Diploid species of *Rubus* (Rosaceae). Genes, 14(6). DOI: 10.3390/genes14061152

6. GBIF., 2025. Global Biodiversity Information Facility. https://www.gbif.org/

7. George, B., Thangaraj, P., Sajeesh, T., & Saravanan, S., 2014. Antitumor and wound healing properties of *Rubus niveus* Thunb. root. Journal of Environmental Pathology Toxicology and Oncology, *33*, 145 – 158. DOI: 10.1615/JEnvironPatholToxicolOncol.2014010949

8. Hummer, K. E., Oliphant, J., Hoai, T. T. T., Kien, N. V., & Yen, D. B., 2020. Vietnamese Rubus: Crop wild relatives of the raspberries and blackberries. Acta Horticulturae, 29 – 36. DOI: 10.17660/ActaHortic.2020.1297.5

9. Lamichhane, A., Lamichhane, G., & Devkota, H. P., 2023. Yellow Himalayan raspberry (*Rubus ellipticus* Sm.): Ethnomedicinal, nutraceutical, and pharmacological aspects. Molecules (Basel, Switzerland), *28*(16). DOI: 10.3390/molecules28166071

10. Lu, L., & Boufford, D. E., 2003. Rubus. http://www.efloras.org

11. Nguyen, V. T., Tardieu-Blot, L., & Aubréville, A. A., 1968. Flore du Cambodge, du Laos et du Viet-nam. Rosaceae II (Rubus) (Vol. 7). https://www.biodiversitylibrary.org/item/276796

12. Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam (Tập 1). NXB Trẻ.

13. POWO., 2025. Plants of the World Online. Facilitated by the Royal Botanic Gardens, Kew. https://powo.science.kew.org/

14. Tian, J.-L., Si, X., Wang, Y.-H., Gong, E.-S., Xie, X., Zhang, Y., Li, B., & Shu, C., 2021. Bioactive flavonoids from *Rubus corchorifolius* inhibit α-glucosidase and α-amylase to improve postprandial hyperglycemia. Food Chemistry, *341*, 128149. DOI: 10.1016/j.foodchem.2020.128149

15. Viện Dược liệu., 2016. Danh lục cây thuốc Việt Nam. NXB Khoa học và Kỹ thuật.

**Email tác giả liên hệ:** hoa.nguyen.nta@gmail.com

**Ngày nhận bài:** 17/03/2026

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa:** 27/03/2026; 29/04/2026

**Ngày duyệt đăng:** 08/06/2026